

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH BẾN TRE**

Bản án số: **18 /2024/HNGĐ-ST**
Ngày: 12/3/2024
V/v “ Xin ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Dương Văn Na

2. Bà Lê Thị Hoàng Diễm

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thị Minh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Linh Duy – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 530/2023/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2023 về việc ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Kiều Loan, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Trọng Hữu, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Ấp C, xã D, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

(Chị L có yêu cầu vắng mặt, anh H vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/9/2023, nguyên đơn chị Lê Thị Kiều L trình bày:

Chị và anh Nguyễn Trọng H cưới nhau vào năm 2022 trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Sau khi cưới anh, chị chung sống có hạnh phúc được một thời gian đầu. Nhưng về sau vợ chồng ngày càng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, nên chị và anh H đã sống ly thân từ tháng 5/2023 cho đến nay.

Nay chị nhận thấy hạnh phúc và tình thương giữa chị và anh H không còn, nên chị yêu cầu xin được ly hôn với anh Nguyễn Trọng H.

Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Thiên Ân, sinh ngày 25/5/ 2023, hiện con đang sống với chị L, sau khi ly hôn chị L yêu cầu được nuôi con không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản: chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Nguyễn Trọng H trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh H đều vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến hay yêu cầu của anh H.

Tại phiên tòa sơ thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến:

Về tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký và người tham gia tố tụng đã tuân thủ theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập.

Về nội dung: Áp dụng Điều 28, Điều 35, 39 BLTTDS, Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật HN&GD:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Lê Thị Kiều L được ly hôn với anh Nguyễn Trọng H.

Con chung: Giao cháu Nguyễn Thiên Â, sinh ngày: 25/5/2023, cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận chị L không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền đến thăm, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người đang trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con. Khi có lý do chính đáng, cha mẹ có thể thỏa thuận mức cấp dưỡng nuôi con, phương thức cấp dưỡng nuôi con, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng, thẩm quyền giải quyết: Chị L có đơn yêu cầu xin được ly hôn với anh H. Bị đơn anh H hiện đang cư trú tại xã D, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Căn cứ vào Điều 35 và Điều 39 BLTTDS nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Anh Nguyễn Trọng H được Tòa án triệu tập lần thứ hai để đưa vụ án ra xét xử nhưng anh H vẫn vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh H chung sống với nhau vào năm 2022 trên tinh thần tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre là phù hợp với quy định của pháp luật nên được công nhận là hôn

nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa chị L và anh H lúc đầu có hạnh phúc, nhưng sau đó xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân theo chị L trình bày là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống vợ chồng nên chị L và anh H đã sống ly thân từ năm 2023 cho đến nay, nay chị L nhận thấy hôn nhân không hạnh phúc nên chị yêu cầu được ly hôn với anh H.

Tòa án tiến hành xác minh bà Nguyễn Thị S (Bà S là mẹ ruột của anh Nguyễn Trọng H còn L là dâu của bà) cung cấp như sau:

Sau khi L và H thành vợ chồng L sống tại gia đình của mình tại xã B, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre nhưng L vẫn qua lại gia đình bà. Bà nhận thấy cuộc sống vợ chồng của hai vợ chồng cũng không được hạnh phúc, khi cãi nhau L có điện báo cho bà biết, bà có ý kiến hôn nhân tự hai vợ chồng quyết định. L chi tiêu không tiết kiệm, việc L ly hôn do gia đình L xúi giục. Cho nên qua việc xin ly hôn của L đối với H tùy hai con quyết định bà không có ý kiến.

Đối với anh H, sau khi tiếp nhận hồ sơ Tòa án đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ triệu tập anh H đến làm việc nhưng anh H không đến, vì vậy Tòa án không ghi nhận được lời khai của anh H, đồng thời cũng không thể tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được. Việc anh H vắng mặt thể hiện anh H không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị L. Điều đó chứng tỏ rằng tình trạng hôn nhân của chị L với anh H đã có mâu thuẫn trầm trọng, tình thương đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Xét thấy, việc chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L là hoàn toàn phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Thiên Â, sinh ngày 25/5/ 2023, chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Â không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Xét việc giao con chung cho ai nuôi cần xem xét mọi mặt về điều kiện vật chất và tinh thần, sự phát triển bình thường của con chung. Hiện nay, chị L đang trực tiếp nuôi cháu Â. Để tạo sự phát triển ổn định cho cháu Â, đồng thời xét thấy chị L cũng có công việc, thu nhập và chỗ ở ổn định, đủ điều kiện để nuôi dưỡng chăm sóc con chung. Chị H cũng có yêu cầu được nuôi con chung nên việc giao cháu Â cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Ghi nhận chị L không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị L khai không có, nên không xét đến.

[5] Về án phí: Chị L phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

[7] Từ những nhận định nêu trên, xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 35, 39, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Kiều L với anh Nguyễn Trọng H. Tuyên xử chị Lê Thị Kiều L được ly hôn với anh Nguyễn Trọng H.

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Thiên Ân, sinh ngày 25/5/2023 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận chị L không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị L khai không có nên không xét đến.

4. Về án phí: Chị L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Số tiền án phí của chị L được trừ vào Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000775 ngày 10/10/2023 của Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Chị L đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Phòng GDKT TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã Tân Phú – CT - BT.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quốc Tuấn